

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

*Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008
đã được kiểm toán*

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo Kiểm toán	04
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	05-21
Bảng cân đối kế toán	05-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10-21

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 1 & tầng 5 Toà nhà Đào Duy Anh, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội là công ty cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam theo Quyết định cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 66/UBCK-GP ngày 15 tháng 11 năm 2007 và Quyết định sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động số 116/UBCK-GPĐC ngày 14 tháng 04 năm 2008 của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: SAI GON – HA NOI SECURITIES JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là SHS.

Theo Quyết định cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 66/UBCK-GP ngày 15 tháng 11 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 1 & tầng 5 Toà nhà Đào Duy Anh, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội.

Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh: Địa chỉ số 41 - 43 Pasteur - Quận 1 - Tp Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ của Công ty là: 350.000.000.000 VND (Ba trăm lăm mươi tỷ đồng). Tương đương 35.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Quang Hiến	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Lê	Phó chủ tịch
Ông Phạm Hồng Thái	Phó chủ tịch
Bà Đinh Thị Tiểu Phương	Thành viên
Ông Trần Thoại	Thành viên
Ông Nguyễn Công Sứ	Thành viên
Ông Phạm Ngọc Lâm	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Quốc Triệu	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 15/10/2009)
Ông Nguyễn Thế Minh	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 07/12/2007)
Ông Nguyễn Thế Minh	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 07/07/2009)
Bà Bùi Thị Minh Tâm	Giám đốc khối quản trị	(Bổ nhiệm ngày 07/12/2007)
Ông Hoàng Đình Lợi	Giám đốc khối dịch vụ khách hàng	(Bổ nhiệm ngày 07/12/2007)
Ông Hồ Ngọc Việt Cường	Quyền Giám đốc khối đầu tư	(Bổ nhiệm ngày 01/07/2008)
Ông Hồ Ngọc Việt Cường	Quyền Giám đốc khối đầu tư	(Miễn nhiệm ngày....

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 1 & tầng 5 Toà nhà Đào Duy Anh, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 03/11/2008)
Bà Đàm Ngọc Bích	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 03/12/2007)
Ông Lương Đức Chính	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 03/12/2007)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/4/2007.

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2009

TM. Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc

Trần Quốc Triệu

Số:/2009/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được lập ngày 15 tháng 12 năm 2009, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 được trình bày từ trang 5 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi lưu ý người đọc: Theo yêu cầu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội về việc phát hành Báo cáo kiểm toán cho kỳ kế toán từ ngày 15/11/2007 đến ngày 31/12/2007 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008, Chúng tôi đã phát hành Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 trên cơ sở phân tách Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 15/11/2007 đến ngày 31/12/2008 đã được kiểm toán theo Báo cáo kiểm toán số 60/2009/BC.KTTC-AASC.KT2 phát hành ngày 26/02/2009.

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2009

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán
Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Nguyễn Thanh Tùng
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Vũ Xuân Biển
Chứng chỉ KTV số: 0743/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
100	A TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN		414.768.289.758	499.335.737.422
110	I Tiền	1	278.578.507.715	131.618.060.492
111	1 Tiền mặt tại quỹ		716.987.828	53.174.446
112	2 Tiền gửi ngân hàng		269.687.853.457	131.564.886.046
114	4 Tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán		1.374.206.183	-
116	6 Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán		6.799.460.247	-
120	II Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và đầu tư ngắn hạn khác		38.125.788.900	-
121	1 Chứng khoán tự doanh	3	26.306.368.688	-
123	3 Đầu tư ngắn hạn	4	20.000.000.000	-
124	- <i>Đầu tư ngắn hạn của Công ty chứng khoán</i>		<i>20.000.000.000</i>	-
126	4 Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư ngắn hạn (*)	3	(8.180.579.788)	-
130	III Các khoản phải thu		91.820.416.550	362.432.456.319
131	1 Phải thu của Trung tâm giao dịch chứng khoán		675.387.000	-
132	2 Phải thu của người đầu tư		90.016.948.245	2.944.308.369
133	3 Phải thu của tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán		-	5.775.848.800
134	4 Ứng trước cho người bán		1.128.081.305	867.149.150
137	7 Phải thu khác		-	352.845.150.000
140	IV Hàng tồn kho	5	3.591.855.352	-
141	1 Hàng mua đang đi trên đường		3.503.020.000	-
142	2 Vật liệu		88.835.352	-
150	V Tài sản lưu động khác		2.651.721.241	5.285.220.611
151	1 Tạm ứng		2.340.657.909	1.581.642.138
152	2 Chi phí trả trước	6	311.063.332	3.703.578.473
200	B TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN		24.061.193.885	3.274.641.629
210	I Tài sản cố định	7	8.272.840.873	3.154.641.629
211	1 Tài sản cố định hữu hình		5.804.382.249	3.143.391.629
212	- Nguyên giá		7.273.633.379	3.206.933.342
213	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.469.251.130)	(63.541.713)
217	3 Tài sản cố định vô hình	7	2.468.458.624	11.250.000
218	- Nguyên giá		3.119.150.850	11.250.000
219	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(650.692.226)	-
220	II Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn và đầu tư dài hạn khác		11.143.600.000	-
221	1 Đầu tư chứng khoán dài hạn của Công ty chứng khoán	9	11.143.600.000	-
240	IV Tài sản dài hạn khác		4.644.753.012	120.000.000
241	1 Kỹ quỹ, ký cược dài hạn	10	1.431.463.936	-
242	2 Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	11	120.455.625	120.000.000
243	3 Tài sản dài hạn khác	12	3.092.833.451	-
250	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		438.829.483.643	502.610.379.051

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
300	A NỢ PHẢI TRẢ		21.355.646.798	87.786.138.943
310	I Nợ ngắn hạn		21.355.646.798	87.786.138.943
311	1 Vay và nợ ngắn hạn		-	70.000.000.000
312	- <i>Vay ngắn hạn</i>		-	<i>70.000.000.000</i>
315	3 Phải trả Trung tâm giao dịch chứng khoán		1.403.020.000	-
318	6 Phải trả người bán		480.825.750	939.745.742
319	7 Người mua ứng trước		19.090.909	-
320	8 Phải trả cổ tức gốc và lãi trái phiếu		1.219.447.000	-
322	- <i>Phải trả cổ tức cho cổ đông</i>		<i>1.219.447.000</i>	-
323	9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	12.486.602.057	931.093.376
324	10 Phải trả nhân viên		2.819.704.502	356.232.960
325	11 Chi phí phải trả	14	382.000.000	111.000.000
327	13 Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		243.600.000	-
328	14 Phải trả phải nộp khác	15	628.442.580	15.448.066.865
332	16 Thanh toán giao dịch chứng khoán của người đầu tư		1.672.914.000	-
400	B NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	16	417.473.836.845	414.824.240.108
410	I Vốn góp ban đầu		350.000.000.000	350.000.000.000
411	1 Vốn của các bên góp vốn		350.000.000.000	350.000.000.000
420	II Vốn bổ sung		62.430.000.000	62.430.000.000
421	1 Thặng dư vốn cổ phần		62.430.000.000	62.430.000.000
430	III Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối		5.043.836.845	2.394.240.108
437	3 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm		99.654.806	-
438	4 Lợi nhuận chưa phân phối		4.944.182.039	2.394.240.108
450	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		438.829.483.643	502.610.379.051
			-	-

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
006	6 Chứng khoán lưu ký của thành viên trong nước		172.539.540.000	-
007	6.1 Chứng khoán giao dịch thành viên trong nước		172.539.540.000	-
008	- Chứng khoán giao dịch của công ty thành viên trong nước		6.166.770.000	-
009	- Chứng khoán giao dịch của người đầu tư thành viên trong nước		166.372.770.000	-
040	8 Chứng khoán nhận bán hộ		720.476.100.000	-
043	8.3 Chứng khoán nhận lưu ký cho nhà đầu tư (tại công ty chứng khoán)		720.476.100.000	-
044	9 OTC)		53.454.690.000	-

Lập, ngày 15 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Ngô Thị Trúc Mai

Uông Văn Hạnh

Trần Quốc Triệu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2008

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ 01/01/2008	Từ 15/11/2007
			đến 31/12/2008	đến 31/12/2007
			VND	VND
01	1 Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	17	92.505.480.506	4.256.888.053
02	Doanh thu môi giới chứng khoán cho người đầu tư		1.295.930.457	-
03	Doanh thu hoạt động tự doanh chứng khoán		66.255.612.916	1.846.693.226
06	Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán cho người đầu tư		115.867.272	-
07	Doanh thu lưu ký chứng khoán cho người đầu tư		40.947.273	-
09	Doanh thu về vốn kinh doanh		24.797.122.588	2.410.194.827
11	2 Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
12	3 Doanh thu thuần		92.505.480.506	4.256.888.053
13	4 Thu lãi đầu tư	18	920.608.700	-
14	5 Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán và lãi đầu tư		93.426.089.206	4.256.888.053
15	6 Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	19	31.684.014.162	344.326.531
20	7 Lợi nhuận gộp		61.742.075.044	3.912.561.522
30	8 Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	31.859.168.045	587.228.038
40	9 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		29.882.906.999	3.325.333.484
60	11 Tổng lợi nhuận trước thuế		29.882.906.999	3.325.333.484
61	12 Lợi nhuận tính thuế		38.216.039.008	3.325.333.484
70	13 Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	21	9.832.965.068	931.093.376
80	14 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		20.049.941.931	2.394.240.108

Lập, ngày 15 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Ngô Thị Trúc Mai

Uông Văn Hạnh

Trần Quốc Triệu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2008

Mã số	Chỉ tiêu	TM	Từ 01/01/2008	Từ 15/11/2007
			đến 31/12/2008	đến 31/12/2007
			VND	VND
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán				
01	1 Lợi nhuận trước thuế		29.882.906.999	3.325.333.484
02	Khấu hao TSCĐ		2.056.401.643	63.541.713
03	Các khoản lập dự phòng		8.280.234.594	-
07	Các khoản chi phí phải trả		271.000.000	111.000.000
09	Cổ tức, lãi chia đã trả		(16.280.553.000)	-
13	Lãi lỗ đầu tư khác		2.601.429.030	-
20	3 Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		26.811.419.266	3.499.875.197
21	Tăng, giảm các khoản phải thu		240.330.992.806	(361.370.253.493)
22	Tăng, giảm hàng tồn kho		(29.898.224.040)	-
23	Tăng, giảm các khoản phải trả		(1.927.266.986)	17.675.138.943
24	Tăng, giảm chi phí trả trước		299.681.690	(3.703.578.473)
25	Tăng, giảm các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược		(1.431.463.936)	-
27	4 Luồng tiền trước các khoản mục bất thường		234.185.138.800	(343.898.817.826)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		234.185.138.800	(343.898.817.826)
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
41	1 Tiền mua TSCĐ, XDCB		(3.479.662.547)	(43.867.960)
43	3 Tiền đầu tư vào các đơn vị khác		(94.086.600.000)	-
44	4 Thu hồi vốn từ các khoản đầu tư vào đơn vị khác		82.943.000.000	-
45	5 Thu lãi đầu tư		920.608.700	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(13.702.653.847)	(43.867.960)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
51	1 Tiền thu góp vốn của chủ sở hữu		-	405.560.746.278
53	3 Tiền vay		183.000.000.000	70.000.000.000
54	4 Tiền trả nợ vay		(253.000.000.000)	-
55	5 Trả lãi tiền vay		(3.522.037.730)	-
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(73.522.037.730)	475.560.746.278
70	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		146.960.447.223	131.618.060.492
80	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ		131.618.060.492	-
90	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ		278.578.507.715	131.618.060.492

Lập, ngày 15 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Ngô Thị Trúc Mai

Uông Văn Hạnh

Trần Quốc Triệu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2008

I . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội là công ty cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam theo Quyết định cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 66/UBCK-GP ngày 15 tháng 11 năm 2007 và Quyết định sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động số 116/UBCK-GPĐC ngày 14 tháng 04 năm 2008 của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

Vốn điều lệ của Công ty là: 350.000.000.000 VND (Ba trăm lăm mươi tỷ đồng). Tương đương 35.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 1 & tầng 5 Toà nhà Đào Duy Anh, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội.

Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh: Địa chỉ số 41 - 43 Pasteur - Quận 1 - Tp Hồ Chí Minh

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Chứng khoán.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Quyết định cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 66/UBCK-GP ngày 15 tháng 11 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

II . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Riêng năm đầu tiên, kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 15/11/2007 đến 31/12/2007.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Công ty chứng khoán ban hành theo Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13/06/2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Tài sản cố định khác	04 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

Nguyên tắc ghi nhận chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đỉnh danh để tính tái vốn trái phiếu bán ra.

Dự phòng giảm giá đối với chứng khoán đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận chứng khoán mua bán theo hợp đồng mua/ bán lại (hợp đồng "repo")

Các giao dịch chứng khoán liên quan đến việc mua chứng khoán của khách hàng và bán lại cho chính xác khách hàng đó vào một ngày cụ thể trong tương lai với giá cụ thể được gọi là các hợp đồng repo. Khi có các giao dịch repo, Công ty ghi nhận vào sổ sách một khoản tài sản/ nợ phải trả. Phần chênh lệch giữa giá bán lại và giá mua sẽ được dự thu hàng tháng theo phương pháp đường thẳng ghi nhận như là một khoản thu nhập tương ứng với khoản nợ phải thu của khách hàng đó.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí phát sinh một lần quá lớn như: chi phí trước thành lập.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Thuế TNDN của quý 4 năm 2008 được giảm 30% theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 về việc Hướng dẫn thực hiện, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính Phủ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 1 & tầng 5 Toà nhà Đào Duy Anh, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

III . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO MỘT SỐ KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**1 . Tiền**

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	716.987.828	53.174.446
Tiền gửi ngân hàng	269.687.853.457	131.564.886.046
Tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán	1.374.206.183	-
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	6.799.460.247	-
Cộng	278.578.507.715	131.618.060.492

2 . Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm (VND)
a) Của Công ty Chứng khoán	7.332.560	253.325.600.000
- Cổ phiếu	5.332.560	53.325.600.000
- Trái phiếu	2.000.000	200.000.000.000
b) Của người đầu tư	22.596.970	378.969.700.000
- Cổ phiếu	20.896.970	208.969.700.000
- Trái phiếu	1.700.000	170.000.000.000
Tổng cộng	29.929.530	632.295.300.000

3 . Chứng khoán tự doanh; Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư ngắn hạn***Chứng khoán tự doanh***

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Chứng khoán niêm yết	16.946.519.888	-
Chứng khoán chưa niêm yết	9.359.848.800	-
Cộng	26.306.368.688	-

Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư ngắn hạn

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Chứng khoán niêm yết	(4.307.696.988)	-
Chứng khoán chưa niêm yết	(3.872.882.800)	-
Cộng	(8.180.579.788)	-

Chi tiết chứng khoán tự doanh và dự phòng giảm giá chứng khoán

Chứng khoán niêm yết	Số lượng	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị thị trường VND	Dự phòng VND
ABT	8	204.800	194.400	10.400
ACB	129	4.192.000	3.612.000	580.000
CTN	60	1.320.000	708.000	612.000
EBS	10	275.000	120.000	155.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 1 & tầng 5 Toà nhà Đào Duy Anh, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

Chứng khoán niêm yết	Số lượng	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị thị trường VND	Dự phòng VND
HAP	6	124.800	79.200	45.600
HSC	20	3.946.000	3.388.000	558.000
KBC	50	3.195.000	3.250.000	-
NBC	90.900	5.145.730.000	2.745.180.000	2.400.550.000
NKD	11	336.600	281.600	55.000
PET	11	139.700	156.200	-
POT	296	3.862.000	2.604.800	1.257.200
PTC	90	846.000	738.000	108.000
PVI	72	1.972.800	2.296.800	-
SC5	6	125.400	126.600	-
SSI	5	315.797	144.000	171.797
STB	19	407.100	349.600	57.500
TBC	180.200	2.384.816.501	2.306.560.000	78.256.501
TC6	159.800	5.118.744.725	4.586.260.000	532.484.725
TCR	2	26.800	15.600	11.200
VCS	170	10.207.265	4.454.000	5.753.265
VGP	24.590	527.167.000	486.882.000	40.285.000
VIC	5	387.500	397.500	-
VIS	103.730	3.735.811.000	2.489.520.000	1.246.291.000
VSC	6	321.000	274.200	46.800
VTS	51	2.045.100	1.637.100	408.000
Cộng	560.247	16.946.519.888	12.639.229.600	4.307.696.988

Tình hình nắm giữ chứng khoán

Loại chứng khoán đầu tư	Chứng khoán công ty nắm giữ đến 31/12/2008		Tổng số chứng khoán công ty niêm yết đã phát hành		Tỷ lệ (5=4/2)
	Số lượng (1)	Giá trị theo mệnh giá (2)	Số lượng (3)	Giá trị theo mệnh giá (4)	
1. Chứng khoán niêm yết	616.677	6.166.770.000		21.092.673.610.000	
ABT	8	80.000	7.000.000	70.000.000.000	0,000%
ACB	129	1.290.000	632.165.377	6.321.653.770.000	0,000%
BCC (*)	50.000	500.000.000	95.611.397	956.113.970.000	0,052%
CTN	60	600.000	4.900.000	49.000.000.000	0,001%
EBS	10	100.000	5.109.742	51.097.420.000	0,000%
HAP	6	60.000	16.968.839	169.688.390.000	0,000%
HSC	20	200.000	580.000	5.800.000.000	0,003%
KBC	50	500.000	134.083.000	1.340.830.000.000	0,000%
NBC	90.900	909.000.000	6.000.000	60.000.000.000	1,515%
NKD	11	110.000	12.296.947	122.969.470.000	0,000%
PET	11	110.000	48.253.500	482.535.000.000	0,000%
POT	296	2.960.000	19.430.960	194.309.600.000	0,002%
PTC	90	900.000	10.000.000	100.000.000.000	0,001%
PVI	72	720.000	103.550.000	1.035.500.000.000	0,000%
REE (*)	6.430	64.300.000	80.415.924	804.159.240.000	0,008%
SC5	6	60.000	10.320.000	103.200.000.000	0,000%
SSI	5	50.000	136.666.671	1.366.666.710.000	0,000%
STB	19	190.000	511.583.084	5.115.830.840.000	0,000%

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 1 & tầng 5 Toà nhà Đào Duy Anh, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

Loại chứng khoán đầu tư	Chứng khoán công ty nắm giữ đến 31/12/2008		Tổng số chứng khoán công ty niêm yết đã phát hành		Tỷ lệ (5=4/2)
	Số lượng (1)	Giá trị theo mệnh giá (2)	Số lượng (3)	Giá trị theo mệnh giá (4)	
TBC	180.200	1.802.000.000	63.500.000	635.000.000.000	0,284%
TC6	159.800	1.598.000.000	10.000.000	100.000.000.000	1,598%
TCR	2	20.000	35.584.645	355.846.450.000	0,000%
VCS	170	1.700.000	12.950.000	129.500.000.000	0,001%
VGP	24.590	245.900.000	6.382.020	63.820.200.000	0,385%
VIC	5	50.000	120.000.000	1.200.000.000.000	0,000%
VIS	103.730	1.037.300.000	15.000.000	150.000.000.000	0,692%
VSC	6	60.000	9.624.800	96.248.000.000	0,000%
VTS	51	510.000	1.290.455	12.904.550.000	0,004%
2. Chứng khoán chưa niêm yết		3.240.690.000		1.543.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	50.000	500.000.000	73.000.000	730.000.000.000	0,068%
Công ty CP Xi măng Hoàng Mai	274.069	2.740.690.000	81.300.000	813.000.000.000	0,337%
Tổng cộng		9.407.460.000		22.635.673.610.000	

(*) Cổ phiếu đã khớp lệnh bán từ ngày 29/12/2008 đến ngày 31/12/2008 của công ty căn cứ vào thông báo của Trung tâm giao dịch chứng khoán và chứng khoán chưa chuyển vào tài khoản của người mua (đối chiếu khớp đúng với Trung tâm lưu ký)

4 . Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn của Công ty Chứng khoán	20.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn - Hà Nội (*)	20.000.000.000	-
Cộng	20.000.000.000	-

(*) Số tiền Công ty chuyển sang Công ty CP Quản lý quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội căn cứ vào Hợp đồng ủy thác quản lý đầu tư số 003/2008/HĐQLĐT/SHF-SHS ngày 05 tháng 12 năm 2008 giữa Công ty với Công ty CP Quản lý quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội.

5 . Hàng tồn kho

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường (*)	3.503.020.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	88.835.352	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	3.591.855.352	-

(*) Giá trị cổ phiếu niêm yết đã khớp lệnh mua từ ngày 29/12/2008 đến ngày 31/12/2008 của Công ty căn cứ vào thông báo của Trung tâm giao dịch chứng khoán và chứng khoán chưa chuyển vào tài khoản chứng khoán của Công ty với giá trị là 1.403.020.000 đồng và giá trị cổ phiếu chưa niêm yết chưa chuyển sang tên công ty với giá trị là 2.100.000.000 đồng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 1 & tầng 5 Toà nhà Đào Duy Anh, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

6 . Chi phí trả trước

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Chi phí mạng viễn thông	311.063.332	-
Chi phí trả trước thuê VP	-	233.752.734
Chi phí thành lập	-	2.921.343.555
Chi phí CCDC	-	548.482.184
Cộng	311.063.332	3.703.578.473

7 . Tài sản cố định**a) Tăng giảm tài sản cố định**

Xem chi tiết phụ lục 1

b) Tình hình đầu tư tài sản cố định và trang thiết bị

Vốn điều lệ tính đến ngày 31/12/2008	TSCĐ và trang thiết bị		Tỷ lệ TSCĐ và trang thiết bị so với Vốn điều lệ
	Chỉ tiêu	Giá trị	
350.000.000.000	Nguyên giá	10.392.784.229	0,03
	Khấu hao	(2.119.943.356)	
	Giá trị còn lại	8.272.840.873	0,02
Cộng	x	x	x

8 . Tình hình đảm bảo về vốn khả dụng

Tỷ lệ vốn khả dụng trên tổng vốn nợ điều chỉnh: 1.980,00%

9 . Đầu tư chứng khoán dài hạn của công ty chứng khoán

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu	11.143.600.000	-
Cộng	11.143.600.000	-

Giá trị cổ phiếu đầu tư vào Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa theo Hợp đồng ủy thác đầu tư số 288/2008/HDUT-TCCS-KHĐT ngày 17/01/2008 giữa Công ty với Công ty Tài chính Cao su, cổ đông chiến lược có quy định hạn chế giao dịch đối với cổ phiếu nắm giữ.

10 . Ký quỹ, ký cược dài hạn

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Đặt cọc thuê nhà	1.431.463.936	-
Cộng	1.431.463.936	-

11 . Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Số đầu năm	120.000.000	120.000.000
Tăng quỹ hỗ trợ thanh toán	455.625	-
Số đầu năm	120.455.625	120.000.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 1 & tầng 5 Toà nhà Đào Duy Anh, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

12 . Tài sản dài hạn khác

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Chi phí thành lập doanh nghiệp	1.971.265.312	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	639.705.528	-
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	481.862.611	-
Cộng	3.092.833.451	-

13 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	9.772.364	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	10.764.058.444	931.093.376
Thuế Thu nhập cá nhân	1.712.771.249	-
Cộng	12.486.602.057	931.093.376

14 . Chi phí phải trả

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	-	111.000.000
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	382.000.000	-
Cộng	382.000.000	111.000.000

15 . Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	17.170.000	-
Bảo hiểm xã hội	688.000	-
Bảo hiểm y tế	33.580	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	610.551.000	15.448.066.865
<i>Phải trả về các hợp đồng Repo</i>	-	14.999.950.000
<i>Cổ đông góp vốn thừa</i>	400.000.000	-
<i>Nhận cổ tức của cổ phiếu Repo</i>	198.512.000	-
<i>Phải trả, phải nộp khác</i>	12.039.000	448.116.865
Cộng	628.442.580	15.448.066.865

16 . Vốn chủ sở hữu**a) Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
I. Nguồn vốn kinh doanh	412.430.000.000	-	-	412.430.000.000
1. Vốn góp ban đầu	350.000.000.000	-	-	350.000.000.000
2. Vốn bổ sung	62.430.000.000	-	-	62.430.000.000
- Thặng dư vốn cổ phần	62.430.000.000	-	-	62.430.000.000
II. Các quỹ và lợi nhuận	2.394.240.108	20.149.596.737	17.500.000.000	5.043.836.845
3. Quỹ dự phòng TCMVL	-	99.654.806	-	99.654.806
4. Lợi nhuận chưa phân phối	2.394.240.108	20.049.941.931	17.500.000.000	4.944.182.039
Tổng cộng	414.824.240.108	20.149.596.737	17.500.000.000	417.473.836.845

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 1 & tầng 5 Toà nhà Đào Duy Anh, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

b) Tình hình thu nhập của vốn chủ sở hữu

	Từ 01/01/2008 đến 31/12/2008	Từ 15/11/2007 đến 31/12/2007
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	20.049.941.931	2.394.240.108
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	20.049.941.931	2.394.240.108
Cổ phiếu phổ thông bình lưu hành quân trong kỳ	35.000.000	35.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	548	68

17 . Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán

	Từ 01/01/2008 đến 31/12/2008	Từ 15/11/2007 đến 31/12/2007
	VND	VND
Doanh thu môi giới chứng khoán cho người đầu tư	1.295.930.457	-
Doanh thu hoạt động tự doanh chứng khoán (*)	66.255.612.916	1.846.693.226
Doanh thu tư vấn	115.867.272	-
Doanh thu lưu ký chứng khoán cho người đầu tư	40.947.273	-
Doanh thu về vốn kinh doanh	24.797.122.588	2.410.194.827
Cộng	92.505.480.506	4.256.888.053

(*) Trong đó doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán các Hợp đồng Repo năm 2008 là 40.795.321.404 đồng.

18 . Thu lãi đầu tư

	Từ 01/01/2008 đến 31/12/2008	Từ 15/11/2007 đến 31/12/2007
	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	920.608.700	-
Cộng	920.608.700	-

19 . Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán

	Từ 01/01/2008 đến 31/12/2008	Từ 15/11/2007 đến 31/12/2007
	VND	VND
Chi phí môi giới chứng khoán cho người đầu tư	197.426.828	-
Chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán	11.769.936.602	-
Chi phí quản lý doanh mục đầu tư cho người đầu tư	6.273.068	-
Chi phí dự phòng	8.180.579.788	-
Chi phí về vốn kinh doanh	3.411.037.730	111.000.000
Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	8.118.760.146	233.326.531
- Chi phí nhân viên	4.475.278.126	233.326.531
- Chi phí vật liệu, công cụ lao động	387.685.957	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.112.163.475	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.019.664.211	-
- Chi phí khác bằng tiền	123.968.377	-
Cộng	31.684.014.162	344.326.531

20 . Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2008 đến 31/12/2008	Từ 15/11/2007 đến 31/12/2007
	VND	VND
Chi phí nhân viên	19.425.331.683	294.313.273
Chi phí vật liệu, công cụ lao động	551.200.633	42.465.960
Chi phí khấu hao tài sản cố định	944.238.168	63.541.713
Chi phí thuế, phí, lệ phí	606.414.072	1.500.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.077.005.328	93.245.392
Chi phí khác bằng tiền	8.254.978.161	92.161.700
Cộng	31.859.168.045	587.228.038

21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp

	Từ 01/01/2008 đến 31/12/2008	Từ 15/11/2007 đến 31/12/2007
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29.882.906.999	3.325.333.484
- Các khoản điều chỉnh tăng (*)	11.575.256.559	-
- Các khoản điều chỉnh giảm (**)	3.242.124.550	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	38.216.039.008	3.325.333.484
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	28%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất 28%	10.700.490.922	931.093.376
Thuế TNDN giảm trừ theo TT03/2009/TT-BTC	867.525.854	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	9.832.965.068	931.093.376

(*): Các khoản điều chỉnh:

- Chi phí thuê nhà của Chi nhánh HCM không có hóa đơn là 600.000.000 đồng

- Chi phí cho đội bóng SHS Tiền Giang là 10.975.256.559 đồng

(**): Các khoản điều chỉnh giảm:

- Chi phí cho đội bóng SHS Tiền Giang được tính là chi phí quảng cáo theo tỷ lệ không vượt quá 10% chi phí hợp lý hợp lệ theo hướng dẫn tại Thông tư 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 về Thuế TNDN với giá trị là 2.321.515.850 đồng.

- Cổ tức nhận được là 920.608.700 đồng

22 . Những thông tin khác

Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Từ 01/01/2008 đến 31/12/2008	Từ 15/11/2007 đến 31/12/2007
1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản cố định/ Tổng tài sản	%	5,48%	0,65%
- Tài sản lưu động/ Tổng tài sản	%	94,52%	99,35%
2. Tỷ suất lợi nhuận			
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu	%	21,67%	56,24%
- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn	%	4,80%	0,58%

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 1 & tầng 5 Toà nhà Đào Duy Anh, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Từ 01/01/2008 đến 31/12/2008	Từ 15/11/2007 đến 31/12/2007
3. Tình hình tài chính			
- Tỷ lệ nợ phải trả/ Tổng tài sản	%	4,87%	17,47%
- Khả năng thanh toán			
<i>Hiện thời: TSLĐ/ Nợ ngắn hạn</i>	<i>lần</i>	<i>19,42</i>	<i>5,69</i>
<i>Thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn</i>	<i>lần</i>	<i>19,25</i>	<i>5,69</i>
<i>Thanh toán bằng tiền: Tiền và tương đương tiền/ Nợ ngắn hạn</i>	<i>lần</i>	<i>13,04</i>	<i>1,50</i>

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 15/11/2007 đến ngày 31/12/2007 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Lập, ngày 15 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Ngô Thị Trúc Mai

Uông Văn Hạnh

Trần Quốc Triệu

Phụ lục 1: Tăng giảm tài sản cố định

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ khác	TSCĐ vô hình (Phần mềm GD, ...)	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm		2.157.917.342	1.049.016.000	-	11.250.000	3.218.183.342
2. Số tăng trong năm	-	2.428.494.097	1.553.493.400	84.712.540	3.107.900.850	7.174.600.887
- Mua sắm mới	-	2.428.494.097	1.553.493.400	84.712.540	3.107.900.850	7.174.600.887
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	4.586.411.439	2.602.509.400	84.712.540	3.119.150.850	10.392.784.229
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	-	59.753.600	3.788.113	-	-	63.541.713
2. Số tăng trong năm	-	1.147.879.911	237.726.456	20.103.050	650.692.226	2.056.401.643
- Trích khấu hao	-	1.147.879.911	237.726.456	20.103.050	650.692.226	2.056.401.643
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	1.207.633.511	241.514.569	20.103.050	650.692.226	2.119.943.356
III. Giá trị còn lại						
1. Đầu năm	-	2.098.163.742	1.045.227.887	-	11.250.000	3.154.641.629
2. Cuối năm	-	3.378.777.928	2.360.994.831	64.609.490	2.468.458.624	8.272.840.873